

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

VD 1:

(1) *Em bé/ lang thang.*

(2) *Em bé đáng thương, bụng đói rét/ vẫn lang thang trên đường.*

VD 2:

(1) *Tuyết/ rơi.*

(2) *Tuyết trắng/ rơi đầy đường.*

VD 1:

Trong câu (1): chủ ngữ của câu chỉ có một từ (em bé).

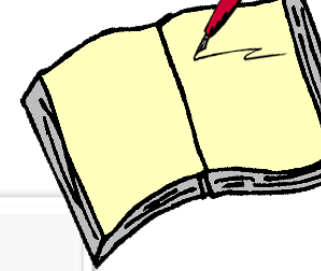
Trong câu (2): Chủ ngữ là một cụm từ. Chủ ngữ *em bé đáng thương, bụng đói rét* cụ thể hơn *em bé* vì có thêm thông tin về tình cảm của người kể và về hoàn cảnh của em bé.

VD 2:

Trong câu (1): Chủ ngữ chỉ có một từ (tuyết).

Trong câu (2): Chủ ngữ là một cụm từ. Chủ ngữ *tuyết trắng* cụ thể hơn *tuyết* vì có thêm thông tin về đặc điểm màu sắc của tuyết. Vị ngữ *rơi đầy đường* cụ thể hơn *rơi* vì có thông tin về mức độ đặc điểm của *tuyết*.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.

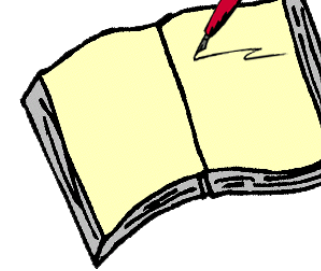
1. Cụm từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

- ✓ Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.
- ✓ Cụm từ có hai từ trở lên kết hợp với nhau nhưng chưa tạo thành câu, trong đó có một từ (DT, ĐT, TT) đóng vai trò là thành phần trung tâm, các từ còn lại bổ sung ý nghĩa cho thành phần trung tâm.
- ✓ Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



*Hai cái răng đen
nhánh.*

Danh
từ
trung
tâm:
***Cái
răng***

Phần đứng trước
danh từ trung
tâm: ***Hai*** chỉ số
lượng sự vật mà
danh từ trung tâm
thể hiện. Gọi là
phần phụ trước.

Phần đứng sau
danh từ trung
tâm: ***đen nhánh***
chỉ đặc điểm của
sự vật... mà danh
từ trung tâm thể
hiện. Gọi là phần
phụ sau.

I. Tìm hiểu tri
thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

2. Cụm danh từ:

a. Ví dụ

I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

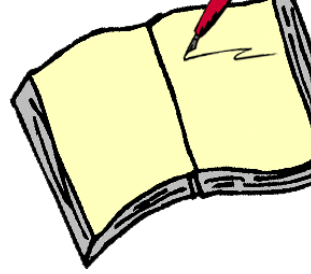
b. Kết luận:

2. Cụm danh từ:

a. Ví dụ

b. Kết luận:

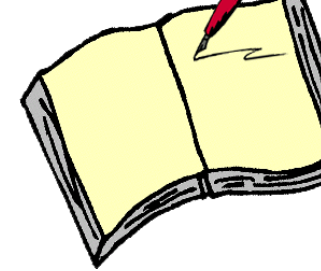
THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



Khái niệm: Cụm danh từ là một tổ hợp từ do một danh từ trung tâm và một số từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.

Cấu tạo đầy đủ của một cụm danh từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần danh từ trung tâm, phần phụ sau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



thường dẫn tôi ra vườn

Động
từ
trung
tâm:
dẫn

Phần đứng
trước động từ
trung tâm:
thường. Gọi là
phần phụ
trước.

Phần đứng sau
động từ trung
tâm: *tôi, ra
vườn*. Gọi là
phần phụ sau.

I. Tìm hiểu tri
thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

2. Cụm danh từ:

3. Cụm động từ

a. Ví dụ:

I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

2. Cụm danh từ:

a. Ví dụ

b. Kết luận:

3. Cụm động từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Khái niệm: Cụm động từ là một tổ hợp từ do một động từ trung tâm và một số từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.

Cấu tạo đầy đủ của một cụm động từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.

I. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

2. Cụm danh từ:

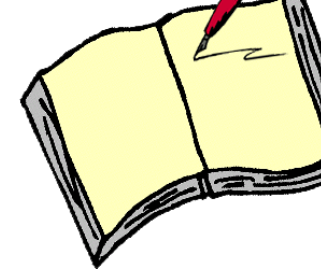
3. Cụm động từ

4. Cụm tính từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



rất chăm chỉ

Tính từ trung tâm:
chăm chỉ

Phần đứng trước tính từ trung tâm: *rất*. Gọi là phần phụ trước.

- **Khái niệm:** Cụm tính từ là một tổ hợp từ do một tính từ trung tâm và một số từ ngữ khác phụ thuộc nó tạo thành.

- Cấu tạo đầy đủ của một cụm động từ gồm 3 phần. Phần phụ trước, phần động từ trung tâm, phần phụ sau.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



1. Tìm hiểu tri thức tiếng Việt.

1. Cụm từ

a. Ví dụ:

b. Kết luận:

2. Cụm danh từ:

3. Cụm động từ

4. Cụm tính từ

5. Cách

a. Nghĩa khái quát: Là tổ hợp từ do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

b. Đặc điểm ngữ nghĩa của cụm danh từ: nghĩa của cụm danh từ đầy đủ hơn một danh từ (công nhân/chú công nhân kia)

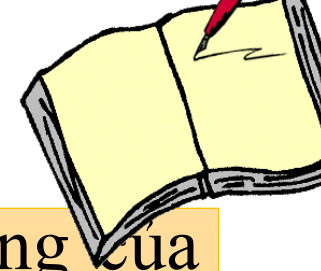
Cụm động từ: *Cụm động từ (CĐT) là tổ hợp từ do động từ và một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

VD : đang học bài

- Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ và có cấu tạo phức tạp hơn một động từ.

Cụm tính từ: Cụm tính từ ở dạng đầy đủ nhất gồm 3 phần: (Có thể vắng phụ trước, phụ sau nhưng phần TT không thể vắng mặt).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT



II. Thực hành tiếng Việt.

1. Bài tập 1 – GSK trang 96

1. So sánh hai câu dưới đây và rút ra tác dụng của việc dùng cụm danh từ là chủ ngữ của câu.

a. Vuốt cứ cứng dần và nhọn hoắt.

b. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt.



Câu a chủ ngữ là “Vuốt” không thể hiện rõ được ở vị trí nào mà chỉ nêu chung chung.

Câu b “Những cái vuốt ở chân, ở khoeo” cho ta thấy vị trí rõ ràng hơn. Như vậy việc dùng cụm danh từ là chủ ngữ của câu giúp chúng ta nắm bắt được thông tin chi tiết, rõ ràng hơn.

II. Thực hành tiếng Việt.

1. Bài tập 1 – GSK trang 96

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

2. So sánh những cách diễn đạt dưới đây và cho biết tác dụng của việc dùng các cụm tính từ làm thành phần vị ngữ trong câu:

a. Biết chị Cốc đi rồi, tôi bò lên.

Biết chị Cốc đi rồi, tôi mon men bò lên.

b. Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc.

Trông thấy tôi, Dế Choắt khóc thảm thiết.

c. Trời nóng.

Trời nóng hầm hập

II. Thực hành tiếng Việt.

1. Bài tập 1 – GSK trang 96

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Xác định chủ ngữ và vị ngữ:

- a. Khách/ giạt mình
- b. Lá cây/ xào xạc.
- c. Trời /rét.

Mở rộng thành phần câu:

- a. Vị khách đó/ giạt mình.
- b. Những chiếc lá cây bàng/ rơi xào xạc
- c. Trời/ rét buốt.

Những câu mở rộng thành phần câu giúp thể hiện chi tiết, rõ ràng hơn so với các câu chưa mở rộng.

II. Thực hành tiếng Việt.

1. Bài tập 1 – GSK trang 96

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

5. Đọc đoạn văn sau:

“Thỉnh thoảng muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoẳn, bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. “

a. Tìm và chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong đoạn văn trên.

b. Tìm và chỉ ra tác dụng của phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

II. Thực hành tiếng Việt.

1. Bài tập 1 – GSK trang 96

a. Các từ láy: phanh phách, hủn hoản, phành phạch, giòn giã, rung rinh. Các từ láy góp phần diễn tả rõ ràng, chi tiết hơn vẻ đẹp cường tráng, khoẻ mạnh của chú Dế Mèn.

b. Những câu văn sử dụng phép so sánh: Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Tác dụng: Miêu tả những chiếc vuốt của Dế Mèn rất sắc nhọn, diễn tả sức mạnh của Dế Mèn.